

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

-----oOo-----

HỢP ĐỒNG HỢP NHẤT

Hôm nay, ngày tháng năm 2014, chúng tôi gồm:

■ **BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM**

- Địa chỉ trụ sở chính : 59 Quang Trung, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
- Giấy phép TL&HĐ : 20/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 15-11-2006
- Điện thoại : +84 4 3944 5888 Fax: +84 4 3944 5889
- Website : www.vise.com.vn
- Đại diện : Chức vụ:.....
- Theo uỷ quyền số : Ngày: của:

■ **BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI TÂY DƯƠNG**

- Địa chỉ trụ sở chính : 169-171 Hàng Bông, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Giấy phép TL&HĐ : 78/UBCK-GP do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 05/12/2007
- Điện thoại : +84 4 3938 0098 Fax: +84 4 3938 0012
- Website : www.ckosc.com.vn
- Đại diện : Chức vụ:
- Theo uỷ quyền số : Ngày: của:

Cơ sở thiết lập và ký kết Hợp đồng:

1. Các Cổ đông của hai Bên mong muốn hợp nhất và đồng ý hợp nhất công ty; các cổ đông của từng Bên đã uỷ quyền cho Hội đồng Quản trị của mình tất cả các quyền và nghĩa vụ liên quan đến việc đàm phán, thương lượng, lên phương án sử dụng lao động, phương án chuyển giao, xử lý tài sản, thông qua và ký kết Hợp đồng hợp nhất và thực hiện các thủ tục khác liên quan để hoàn tất việc hợp nhất; và
2. Đại hội đồng cổ đông của các Bên thông qua phương án hợp nhất và cho phép tiến hành các thủ tục hợp nhất theo các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ngày ...-...-2014 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ngày ...-...-2014 của Công ty Cổ phần Chứng Đại Tây Dương. Nay các Bên đồng ý ký kết Hợp đồng này với nội dung và điều khoản như sau:

Để tạo cơ sở chung cho việc phối hợp giữa các Bên khi thực hiện Phương án hợp nhất với Bên bị hợp nhất là Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc Tế Việt Nam và Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Tây Dương (Phương án hợp nhất), trên cơ sở Nghị quyết thông qua Phương án hợp nhất của Đại hội đồng Cổ đông cả hai Bên, hai Bên cùng thỏa thuận và thống nhất thực hiện những nội dung sau:

PHẦN I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Một số khái niệm

- 1.1. Việc hợp nhất là việc Bên A và Bên B hợp nhất thành một công ty chứng khoán mới bằng cách chuyển toàn bộ tài sản, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp sang công ty chứng khoán hợp nhất, đồng thời chấm dứt tồn tại của Bên A và Bên B.
- 1.2. Phương án hợp nhất được hiểu là toàn bộ nội dung về các vấn đề các Bên phải thực hiện liên quan đến việc hợp nhất, đã được Đại hội đồng cổ đông của các Bên thông qua một cách hợp pháp. Phương án hợp nhất là một cấu phần của bộ hồ sơ đề nghị Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCK) chấp thuận hợp nhất.
- 1.3. Ngày hiệu lực là ngày UBCK cấp Giấy phép thành lập và hoạt động cho Công ty Hợp nhất.
- 1.4. Ngày đăng ký cuối cùng là ngày chốt danh sách cổ đông đồng thời của cả Bên A và Bên B để tiến hành việc chuyển đổi cổ phần.

Điều 2. Các Bên bị (hoặc tham gia) hợp nhất

2.1. Bên A: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

- a) Tên đầy đủ: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM
- b) Tên viết tắt: VISEcurities
- c) Tên tiếng Anh: VIETNAM INTERNATIONAL SECURITIES JOINT STOCK COMPANY
- d) Địa chỉ trụ sở chính: 59 Quang Trung, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
- e) Website: www.vise.com.vn
- f) Chủ tịch Hội đồng Quản trị: Ông Ninh Quang Hải
- g) Tổng Giám đốc: Ông Nguyễn Anh Tuấn
- h) Người đại diện theo pháp luật: Ông Ninh Quang Hải
- i) Vốn điều lệ: 200.000.000.000 (Hai trăm tỷ đồng)
- j) Vốn điều lệ thực góp: 200.000.000.000 (Hai trăm tỷ đồng)
- k) Số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành: 20.000.000 (Hai mươi triệu) cổ phần
- l) Chứng khoán đã phát hành:

STT	Loại	Số lượng	Mệnh giá (đồng/cp)
01	Cổ phiếu phổ thông	13.500.000	10.000

2.2. Bên B: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI TÂY DƯƠNG (OSC)

- a) Tên đầy đủ: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI TÂY DƯƠNG
- b) Tên viết tắt: OSC
- c) Tên tiếng Anh: DAI TAY DUONG SECURITIES JOINT STOCK COMPANY
- d) Địa chỉ trụ sở chính: 169-171 Hàng Bông, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
- e) Website: www.ckosc.com.vn
- f) Chủ tịch Hội đồng Quản trị: Nguyễn Thị Thu Trang
- g) Phó Tổng Giám đốc: Ông Nguyễn Hải Âu
- h) Người đại diện theo pháp luật: Nguyễn Thị Thu Trang
- i) Vốn điều lệ: 135.000.000.000 (Một trăm ba mươi lăm tỷ) đồng
- j) Vốn điều lệ thực góp: 135.000.000.000 (Một trăm ba mươi lăm tỷ) đồng
- k) Số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành: 13.500.000 (Mười ba triệu năm trăm nghìn) cổ phần
- l) Chứng khoán đã phát hành:

STT	Loại	Số lượng	Mệnh giá (đồng/cp)
01	Cổ phiếu phổ thông	13.500.000	10.000

Điều 3. Công ty Hợp nhất

3.1. Thông tin chung về Công ty Hợp nhất

- a) Tên đầy đủ: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM
- b) Tên viết tắt: VI Securities
- c) Tên Tiếng Anh: VIETNAM INTERNATIONAL SECURITIES JOINT STOCK COMPANY
- d) Địa chỉ trụ sở chính và chi nhánh:
 - Trụ sở chính: 59 Quang Trung, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
 - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh: Số 09 Nguyễn Công Trứ, Quận 01, TP Hồ Chí Minh.
- e) Website: www.vise.com.vn

3.2. Phạm vi, ngành nghề kinh doanh của Công ty Hợp nhất

Công ty Hợp nhất kế thừa và tiếp tục thực hiện toàn bộ các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán đang được Bên A triển khai hiện tại, bao gồm:

- a) Môi giới chứng khoán;
- b) Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán;
- c) Lưu ký chứng khoán.

3.3. Người đại diện theo pháp luật, Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc của Công ty Hợp nhất

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ngày ...-...-2014 của Công ty Cổ phần chứng khoán Quốc tế Việt Nam và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ngày ...-...-2014 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Tây Dương thì: Đại hội đồng cổ đông của hai Bên đã thông qua danh sách các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Người đại diện theo pháp luật của Công ty Hợp nhất, cụ thể như sau:

Danh sách thành viên Hội đồng Quản trị:

- | | |
|-------------------------|--|
| Ông Ninh Quang Hải | : Chủ tịch Hội đồng Quản trị - Người đại diện theo Pháp luật |
| Bà Nguyễn Thanh Thủy | : Thành viên Hội đồng Quản trị |
| Bà Nguyễn Thị Thu Trang | : Thành viên Hội đồng Quản trị |
| Ông Trần Minh Hải | : Thành viên Hội đồng Quản trị |
| Ông Nguyễn Anh Tuấn | : Thành viên Hội đồng Quản trị |

Danh sách thành viên Ban Kiểm soát:

- | | |
|-------------------------|----------------------------|
| Ông Phạm Quang Vinh | : Trưởng Ban Kiểm soát |
| Ông Trần Bình Ôn | : Thành viên Ban Kiểm soát |
| Bà Nguyễn Thị Thu Hương | : Thành viên Ban Kiểm soát |

Danh sách thành viên Ban Tổng Giám đốc:

- | | |
|---------------------|-----------------------|
| Ông Nguyễn Anh Tuấn | : Quyền Tổng Giám đốc |
| Ông Nguyễn Hải Âu | : Phó Tổng Giám đốc |

3.4. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ của Công ty Hợp nhất sẽ bằng tổng Giá trị tài sản thuần của Bên A và Giá trị tài sản thuần của Bên B theo Báo cáo tài chính được kiểm toán của hai Bên ngày 30-11-2013, cụ thể như sau:

- a) Vốn điều lệ Công ty Hợp nhất là 60.000.000.000 đồng (VND);
- b) Số cổ phần phát hành: 6.000.000 cổ phần;
- c) Loại cổ phần: phổ thông;
- d) Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần.

3.5. Cơ cấu nguồn vốn, tài sản Công ty Hợp nhất dự kiến, theo Báo cáo tài chính được kiểm toán của hai Bên ngày 30-11-2013

MS	Nội dung	Bên A	Bên B	Hợp nhất
A - Tài sản				
I.	Tài sản ngắn hạn	384.638.019.053	6.635.154.356	391.273.173.409
II.	Tài sản dài hạn	16.847.459.507	4.773.886.163	21.621.345.670
B - Nguồn vốn				
I.	Nợ phải trả	351.281.560.366	1.139.181.947	352.420.742.313
II.	Nguồn vốn chủ sở hữu	50.203.918.194	10.269.858.572	60.473.776.766

Đơn vị tính: đồng (VND)

3.6. Điều lệ Công ty Hợp nhất

Dự thảo Điều lệ Công ty Hợp nhất do các Bên xây dựng và đã được Đại hội đồng Cổ đông các Bên thông qua. Sau Ngày hiệu lực, Dự thảo Điều lệ Công ty Hợp nhất sẽ trở thành Điều lệ Công Ty Hợp nhất.

PHẦN II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Các vấn đề liên đến việc Hợp nhất

4.1. Hình thức hợp nhất

- a) Các Công ty bị hợp nhất là Bên A và Bên B sẽ chuyển toàn bộ tài sản, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp sang Công ty Hợp nhất, đồng thời chấm dứt tồn tại của các Công ty bị hợp nhất. Công ty Hợp nhất được hưởng các quyền và lợi ích hợp pháp, chịu trách nhiệm về các khoản nợ chưa thanh toán, hợp đồng lao động và các nghĩa vụ tài sản khác của các Công ty bị hợp nhất.
- b) Vốn điều lệ của Công ty Hợp nhất sẽ được xác định bằng tổng giá trị Tài sản thuần của các Công ty tham gia hợp nhất theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán đến ngày 30-11-2013 của các Bên.
- c) Giá trị Tài sản thuần của từng Bên là chênh lệch giữa Tổng tài sản với Tổng nợ phải trả. Việc kiểm toán Báo cáo tài chính sẽ do Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Thăng Long - T.D.K thực hiện.

4.2. Phương pháp kế toán hợp nhất

Giá trị tài sản, nợ phải trả của Bên A và Bên B sẽ được chuyển giao cho Công ty Hợp nhất bằng cách cộng ngang sổ với các nguyên tắc cơ bản sau:

Vốn điều lệ của Công ty Hợp nhất sẽ bằng Giá trị tài sản thuần của Bên A tại ngày 30/11/2013 cộng với Giá trị tài sản thuần của Bên B tại ngày 30/11/2013.

Tài sản và nợ phải trả của Công ty Hợp nhất được xác định bằng cách cộng ngang tài sản và nợ phải trả của Bên A và Bên B tại Ngày hiệu lực (là ngày Bên A và Bên B hoàn tất các thủ tục rút giấy phép hoạt động của hai Bên và Công ty Hợp nhất nhận được Giấy phép thành lập và hoạt động).

Chênh lệch phát sinh Giá trị Tài sản thuần của hai Bên giữa thời điểm lập báo cáo tài

chính cho mục đích hợp nhất của Công ty Hợp nhất (tại ngày 30/11/2013) và Ngày hiệu lực được ghi nhận như khoản phải thu/phải trả cổ đông và sẽ được căn trừ/bổ sung vào lợi nhuận để lại trong các kỳ tiếp theo trên cơ sở Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Công ty Hợp nhất.

4.3. Thời gian hợp nhất

Sau khi UBCK ra quyết định chấp thuận việc hợp nhất giữa Bên A và Bên B, các Bên thực hiện các công việc cần thiết theo quy định của Hợp đồng này, các quy định khác của pháp luật để hoàn tất việc hợp nhất.

Ngày hợp nhất là Ngày hiệu lực, theo đó Công ty Hợp nhất nhận được Giấy phép thành lập và hoạt động do UBCK cấp.

Ngày hợp nhất dự kiến là ngày ...-...-2014. Ngày hợp nhất có thể thay đổi tùy thuộc vào tình hình thực tế và thời điểm UBCK ra quyết định cấp phép hoạt động cho Công ty Hợp nhất.

4.4. Điều kiện hợp nhất

- a) Việc thực hiện hợp nhất này không vi phạm quy định cấm của pháp luật cạnh tranh về tập trung kinh tế và các văn bản pháp luật khác có liên quan.
- b) Việc hợp nhất theo Phương án Hợp nhất được Đại hội đồng Cổ đông các Bên chấp thuận thông qua theo Biên Bản và Nghị quyết của Đại Hội Đồng cổ Đông của mỗi Bên.
- c) Việc hợp nhất tuân thủ các điều kiện khác theo quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

4.5. Thủ tục hợp nhất

Giao dịch hợp nhất được thực hiện theo các thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp năm 2005, Thông tư 210/2012/TT-BTC ngày 30-11-2012 của Bộ Tài chính về hướng dẫn thành lập và hoạt động Công ty chứng khoán (Thông tư 210/2012/TT-BTC) và các văn bản pháp luật khác có liên quan, theo đó, các Bên cần chuẩn bị:

- a) Dự thảo Phương án Hợp nhất, Hợp đồng hợp nhất và Dự thảo Điều lệ Công ty Hợp nhất;
- b) Tổ chức phiên họp Đại hội đồng Cổ đông để thông qua Phương án hợp nhất; Hợp đồng hợp nhất; Dự thảo Điều lệ Công ty Hợp nhất; Nhân sự tham gia Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Người đại diện theo pháp luật của Công ty Hợp nhất.
- c) Mỗi bên sẽ thực hiện các công việc cụ thể của mình theo Hợp đồng hợp nhất và theo các quy định của pháp luật để tiến hành giao dịch hợp nhất. Bên B chấp thuận để Bên A đại diện làm đầu mối trước UBCK và các cơ quan, tổ chức khác có liên quan trong việc thực hiện các thủ tục cần thiết theo Thông tư 210/2012/TT-BTC, các văn bản pháp luật khác có liên quan, và theo chỉ đạo, hướng dẫn của UBCK nhằm thực hiện giao dịch hợp nhất.
- d) Sau khi nhận được chấp thuận hợp nhất bằng văn bản của UBCK, hai Bên sẽ cùng nhau xác định Ngày đăng ký cuối cùng để tiến hành việc chuyển đổi cổ phần. Trong vòng 07 ngày làm việc kể từ Ngày đăng ký cuối cùng, Bên A sẽ đại diện hai Bên nộp hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép thành lập và hoạt động cho Công ty Hợp nhất.

- e) Vào Ngày hiệu lực, hai Bên hoàn thành việc bàn giao tài sản, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp sang Công ty Hợp nhất, ngoại trừ các tài sản phải đăng ký chuyển quyền sở hữu như quy định tại Điều 6.6 của Hợp đồng này.

Điều 5. Phương án Chuyển đổi cổ phần

5.1. Thời điểm chuyển đổi cổ phần

Hai Bên xác định ngày Ngày đăng ký cuối cùng để chốt danh sách cổ đông của mỗi Bên tiến hành việc chuyển đổi cổ phần. Trừ khi các Bên có thỏa thuận khác, thời điểm chuyển đổi là Ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện việc chuyển đổi cổ phần.

5.2. Tỷ lệ chuyển đổi cổ phần

Tỷ lệ chuyển đổi cổ phần cho các cổ đông của Bên A và Bên B như sau:

- a) Tỷ lệ chuyển đổi cổ phần cho cổ đông Bên A là **4:1**: Cổ đông sở hữu 04 cổ phần của Bên A sẽ được nhận 01 cổ phần của Công ty Hợp nhất,
- b) Tỷ lệ chuyển đổi cổ phần cho cổ đông Bên B là **13,5:1**: Cổ đông sở hữu 13,5 cổ phần của Bên B sẽ được nhận 01 cổ phần của Công ty Hợp nhất.

5.3. Điều chỉnh Tỷ lệ chuyển đổi

- a) Trong trường hợp tại Ngày hiệu lực, giá trị tài sản thuần của các Bên thay đổi với giá trị đến dưới 10% Giá trị tài sản thuần Bên đó tại ngày 30/11/2013 thì các Bên thống nhất Tỷ lệ chuyển đổi theo khoản 5.2 Điều này.
- b) Trong trường hợp tại Ngày hiệu lực, giá trị tài sản thuần của các Bên thay đổi với giá trị từ 10% đến dưới 30% Giá trị tài sản thuần Bên đó tại ngày 30/11/2013, các bên thống nhất điều chỉnh lại Tỷ lệ chuyển đổi như sau:

A: Tổng giá trị tài sản thuần của Bên A tại Ngày hiệu lực,

B: Tổng giá trị tài sản thuần của Bên B tại Ngày hiệu lực,

a: Tỷ lệ chuyển đổi của các cổ đông Bên A

b: tỷ lệ chuyển đổi của các cổ đông Bên B.

(A, B sẽ được làm tròn xuống đến 10.000 VND)

- Tổng giá trị tài sản thuần của Công ty Hợp nhất được tính như sau:

$$\text{Tổng giá trị tài sản thuần của Công ty Hợp nhất} = A + B$$

- Tổng số lượng cổ phần Công ty Hợp nhất tính như sau:

$$\frac{\text{Tổng số lượng cổ phần của Công ty Hợp nhất}}{10.000 \text{ VND}} = \frac{A + B}{10.000 \text{ VND}}$$

- Tổng số lượng cổ phần của của Bên A được chia tính như sau:

$$\frac{\text{Tổng số lượng cổ phần của VIS được chia}}{10.000 \text{ VND}} = \frac{A}{10.000 \text{ VND}}$$

- Tổng số lượng cổ phần của của Bên B được chia tính như sau

$$\frac{\text{Tổng số lượng cổ phần của Bên B được chia}}{B} = \frac{10.000 \text{ VND}}{10.000 \text{ VND}}$$

- Tỷ lệ chuyển đổi của các cổ đông Bên A tính như sau:

$$a = \frac{200.000.000.000 \text{ VND}}{A}$$

- Tỷ lệ chuyển đổi của các cổ đông Bên B tính như sau:

$$b = \frac{135.000.000.000 \text{ VND}}{B}$$

- c) Trong trường hợp tại Ngày hiệu lực, Giá trị tài sản thuần của các Bên thay đổi với giá trị lớn hơn 30% Giá trị tài sản thuần Bên đó tại ngày 30/11/2013, các Bên thống nhất xin ý kiến Đại hội đồng Cổ đông theo Phương án hợp nhất này bằng văn bản về tỷ lệ chuyển đổi.

5.4. Phương thức phân phối cổ phiếu

- a) Trường hợp Tỷ lệ chuyển đổi được tính theo điểm a, khoản 5.3 Điều này:

Tại Ngày đăng ký cuối cùng, cổ đông Bên A sở hữu 04 cổ phần Bên A sẽ được nhận 01 cổ phần Công ty Hợp nhất.

Cổ đông Bên B sở hữu 13,5 cổ phần Bên B sẽ được nhận 01 cổ phần Công ty Hợp nhất.

- b) Trường hợp Tỷ lệ chuyển đổi phải điều chỉnh theo điểm b, khoản 5.3 Điều này:

Tại Ngày đăng ký cuối cùng, cổ đông Bên A sẽ được nhận số lượng cổ phiếu như sau:

$$\text{Số lượng cổ phiếu mới} = \frac{\text{Số lượng cổ phiếu cũ}}{a}$$

Tại Ngày đăng ký cuối cùng, cổ đông Bên B sẽ được nhận số lượng cổ phiếu như sau:

$$\text{Số lượng cổ phiếu mới} = \frac{\text{Số lượng cổ phiếu cũ}}{b}$$

5.5. Xử lý cổ phiếu lẻ

Số lượng cổ phần Công ty Hợp nhất mỗi cổ đông được nhận sẽ được làm tròn xuống

đến hàng đơn vị. Phần lẻ thập phân (nếu có) sẽ được Công ty Hợp nhất mua lại làm cổ phiếu quỹ với giá mua lại là 10.000 (mười nghìn) đồng cho 01 cổ phần Công ty Hợp nhất.

Số lượng cổ phần chưa phân phối hết do làm tròn Tỷ lệ chuyển đổi sẽ được Công ty Hợp nhất mua lại làm cổ phiếu quỹ với giá mua lại là 10.000 (mười nghìn) đồng cho 01 cổ phần Công ty Hợp nhất.

5.6. Phương thức thực hiện chuyển đổi cổ phần

a) Kể từ ngày ký kết Hợp đồng hợp nhất cho đến Ngày Đăng Ký Cuối Cùng, Bên A và Bên B không được điều chỉnh, phân chia, tách, gộp cổ phần hoặc tái phân loại cổ phần.

b) Các Bên có trách nhiệm bàn giao Danh sách cổ đông của mình cho Công ty Hợp nhất vào Ngày hiệu lực. Các cổ đông trong Danh sách cổ đông tại Ngày đăng ký cuối cùng sẽ được ghi nhận vào Sổ cổ đông của Công ty Hợp nhất, mặc nhiên trở thành cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty Hợp nhất và hưởng mọi quyền và nghĩa vụ của cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần mình sở hữu tại Công ty Hợp nhất.

Từ Ngày hiệu lực, toàn bộ cổ phần, cổ phiếu hay giấy chứng nhận sở hữu (hoặc dưới tên gọi khác) đối với số cổ phần này do hai Bên phát hành và đang lưu hành trước thời điểm hoán đổi sẽ không còn giá trị. Công ty Hợp nhất không có bất kỳ nghĩa vụ nào khác liên quan đến số cổ phần, cổ phiếu, giấy chứng nhận sở hữu (hoặc dưới tên gọi khác) này ngoài việc mặc nhiên chuyển các cổ đông trong Danh sách cổ đông tại Ngày đăng ký cuối cùng thành cổ đông của Công ty Hợp nhất.

c) Trong thời hạn 07 ngày làm việc từ Ngày hiệu lực, việc chuyển đổi cổ phần sẽ được thực hiện tại Trụ sở tầng 03, số 59 Quang Trung, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Cổ đông của Công ty Hợp nhất sẽ được nhận Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần (hoặc dưới tên gọi khác) sau khi bàn giao lại cổ phiếu hay giấy chứng nhận sở hữu (hoặc dưới tên gọi khác) đối với số cổ phần do Bên A và Bên B phát hành và đang lưu hành trước thời điểm hoán đổi.

Cổ phiếu, giấy chứng nhận sở hữu (hoặc dưới tên gọi khác) đối với số cổ phần do Bên A và Bên B phát hành và đang lưu hành trước thời điểm hoán đổi bị hủy ngay khi Công ty Hợp nhất nhận bàn giao.

Các cổ phần của Bên A và Bên B bị hạn chế quyền của cổ động (bao gồm cả việc bị hạn chế chuyển nhượng) trước thời điểm hoán đổi thì vẫn sẽ được hoán đổi lấy cổ phần của Công ty Hợp nhất theo Hợp đồng này, Phương án hợp nhất. Nhưng các hạn chế này vẫn có giá trị đến khi chấm dứt theo các văn bản, giấy tờ, các quy định của pháp luật liên quan đến các hạn chế này.

Điều 6. Phương án chuyển giao tài sản, các quyền, nghĩa vụ, lợi ích hợp pháp

6.1. Hai Bên tiến hành việc kiểm toán các Báo cáo tài chính đến ngày 30-11-2013 để chốt giá trị tài sản, các quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của hai Bên phục vụ cho giao dịch hợp nhất. Các thông số báo cáo sẽ được bàn giao cho Công ty Hợp nhất cùng với các phát sinh kể từ ngày 30-11-2013 đến Ngày hiệu lực. Báo cáo tài chính được kiểm toán của các Bên đính kèm và là một phần không thể tách rời của Hợp Đồng.

- 6.2. Việc chuyển giao các tài sản, các quyền, nghĩa vụ, lợi ích hợp pháp của hai Bên phải được lập thành Biên bản kiểm kê tài sản, giao dịch (hoặc dưới tên gọi khác) có thể gồm các nội dung chính như sau:
- a) Loại tài sản, quyền, nghĩa vụ, lợi ích; nguồn gốc, xuất xứ;
 - b) Hiện trạng tài sản, giá trị định giá;
 - c) Các nội dung khác theo quyết định cụ thể của hai Bên.
- 6.3. Vào Ngày hiệu lực, toàn bộ hồ sơ, tài liệu liên quan đến quá trình tổ chức và hoạt động của các Bên phải được chuyển giao cho Công ty Hợp nhất. Các Bên đồng thời thực hiện việc khóa sổ kế toán, kiểm kê tài sản, lập Báo cáo tài chính và bàn giao toàn bộ tài liệu kế toán cho Công ty Hợp nhất.
- 6.4. Thành viên Hội đồng Quản trị, Người đại diện theo pháp luật của mỗi Bên liên đới chịu trách nhiệm trong trường hợp kê khai không đúng, không đầy đủ tình trạng tài sản, công nợ của mỗi Bên trong Báo cáo kiểm toán tại ngày 30-11-2013 và các phát sinh đã được liệt kê, xác nhận tại Ngày hiệu lực.
- 6.5. Trong thời gian kể từ ngày ký Hợp Đồng cho đến Ngày hiệu lực, các Bên vẫn hoạt động kinh doanh bình thường (vẫn thực hiện các nghĩa vụ về Tài sản hoặc các nghĩa vụ khác theo hợp đồng, thỏa thuận đã ký kết, hoặc ký các hợp đồng cần thiết khác phục vụ hoạt động kinh doanh thường ngày, cũng như ban hành các quyết định nội bộ khác để điều hành các công việc thường ngày), tuy nhiên phải tuân thủ các cam kết và hạn chế khác mà Các Bên thống nhất ghi nhận tại Hợp đồng này, tại Phương án hợp nhất và các quy định của pháp luật.
- 6.6. Đối với các tài sản cần thiết phải chuyển quyền sở hữu theo quy định thì các Bên có nghĩa vụ làm thủ tục cần thiết để chuyển quyền sở hữu sang Công ty Hợp nhất trong thời hạn 09 tháng kể từ Ngày hiệu lực.
- 6.7. Vào Ngày hiệu lực, Công ty Hợp nhất căn cứ vào Biên bản bàn giao mở sổ kế toán, tổng hợp Báo cáo tài chính của Bên A và Bên B thành Báo cáo tài chính của Công ty Hợp nhất.
- 6.8. Với nghĩa vụ thuế, tài chính khác với Nhà nước, trước Ngày hiệu lực, Các Bên có trách nhiệm thực hiện quyết toán thuế của mỗi Bên. Công ty Hợp nhất sẽ chịu trách nhiệm và thực thi tất cả các khoản thuế, nghĩa vụ tài chính với Nhà nước mà các công ty tham gia hợp nhất phát sinh trước Ngày hiệu lực.

Điều 7. Phương án sử dụng người lao động

- 7.1. Công ty Hợp nhất có nghĩa vụ tiếp nhận toàn bộ người lao động của Bên A và Bên B theo danh sách tại Phụ Lục của Hợp đồng. Phụ Lục này là một phần không tách rời của Hợp Đồng này.
- 7.2. Kể từ ngày ký Hợp đồng hợp nhất, Bên B sẽ không tiếp nhận người lao động mới.
- 7.3. Vào Ngày hiệu lực, toàn bộ nhân viên của Bên A và Bên B ngay trước Ngày hiệu lực sẽ trở thành nhân viên của Công ty Hợp nhất. Công ty Hợp nhất có nghĩa vụ thừa nhận và tôn trọng hợp đồng lao động đã được giao kết giữa Bên A và Bên B với Người lao động trước Ngày hiệu lực.
- 7.4. Sau Ngày hiệu lực, Công ty Hợp nhất có trách nhiệm lập kế hoạch sử dụng và sắp xếp, giải quyết lao động trên cơ sở phù hợp với điều kiện hoạt động của Công ty Hợp nhất,

phù hợp với trình độ, năng lực của người lao động và phù hợp với các quy định của pháp luật về lao động. Đối với Người lao động không muốn làm việc tại Công ty Hợp nhất, Công ty Hợp nhất sẽ chấm dứt hợp đồng lao động với họ theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Phương án bảo đảm quyền lợi Cổ đông, Nhà đầu tư, Chủ nợ

8.1. Đối với Chủ nợ

- a. Đối với các khoản nợ được ghi nhận trong Báo cáo tài chính tại ngày 30-11-2013 và các khoản nợ chưa được ghi nhận nhưng đã đối chiếu trong thời hạn quy định:

Các Bên có trách nhiệm công bố thông tin cho các chủ nợ đã xác định được danh tính theo quy định tại Hợp đồng này.

Kể từ Ngày hiệu lực, Công ty Hợp nhất sẽ kế thừa toàn bộ nghĩa vụ và chịu trách nhiệm thanh toán đối với các chủ nợ.

- b. Đối với các khoản nợ không được ghi nhận trong Báo cáo tài chính tại ngày 30-11-2013 đồng thời chủ nợ không thực hiện đối chiếu trong thời hạn quy định:

Sau khi Phương án hợp nhất được Đại hội đồng Cổ đông các Công ty tham gia hợp nhất thông qua, các Bên có trách nhiệm bố cáo trên phương tiện thông tin đại chúng về việc hợp nhất, đề nghị các chủ nợ đối chiếu, xác nhận công nợ.

Các chủ nợ chưa xác định rõ danh tính theo Báo cáo tài chính kiểm toán tại ngày 30-11-2013 có 60 ngày (kể từ ngày thông tin hợp nhất được bố cáo trên phương tiện thông tin đại chúng) để thực hiện việc liên hệ và xác nhận công nợ. Trong trường hợp còn tồn tại các khoản nợ không được ghi nhận trong Báo cáo tài chính tại ngày 30-11-2013, đồng thời chủ nợ không thực hiện đối chiếu trong thời hạn xác nhận nêu tại thông báo, Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Người đại diện theo pháp luật của mỗi Bên liên đới chịu trách nhiệm đối với việc kê khai không đúng, không đầy đủ tình trạng tài sản, công nợ của mỗi Bên.

- c. Trường hợp chủ nợ yêu cầu mỗi Bên tất toán nợ trước hạn, mỗi Bên có trách nhiệm tự mình đàm phán và thu xếp với chủ nợ có yêu cầu.

8.2. Đối với Nhà đầu tư

- a) Công ty Hợp nhất tiếp nhận và bảo đảm giao dịch bình thường theo quy định cho toàn bộ Nhà đầu tư và Tài khoản giao dịch của Nhà đầu tư từ các Bên.

Chuyển giao Nhà đầu tư và Tài khoản giao dịch của Nhà đầu tư sang Công ty Hợp nhất được thực hiện thành 03 bước sau đây.

- Bước 1: Tạo điều kiện thuận lợi để Nhà đầu tư tự nguyện tất toán tài khoản giao dịch tại OSC để chuyển sang giao dịch tại VISEcurities (theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 20/UBCK-GPHĐKD) hoặc Công ty chứng khoán khác.

Đồng thời, Nhà đầu tư mở tài khoản giao dịch tại VISEcurities (theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 20/UBCK-GPHĐKD) nếu có nhu cầu tất toán tài khoản cũng được tạo điều kiện tối đa.

- Bước 2: Sau thời hạn nhất định, các tài khoản giao dịch tại OSC chưa được tất toán theo phương thức tự nguyện thì toàn bộ các tài khoản giao dịch này của Nhà đầu tư

sẽ được chuyển giao sang VISEcurities (theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 20/UBCK-GPHĐKD) trên cơ sở Hợp đồng chuyển giao tài khoản giao dịch của Nhà đầu tư (hoặc dưới tên gọi khác) và các tài liệu, văn bản thỏa thuận chuyển giao cần thiết khác.

Việc chuyển giao này bao gồm cả Tài khoản chứng khoán và Tài khoản tiền của Nhà đầu tư theo các số liệu thống kê do OSC cung cấp.

- Bước 3: VISEcurities (theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 20/UBCK-GPHĐKD) chuyển giao và Công ty Hợp nhất nhận chuyển giao toàn bộ Tài khoản giao dịch của Nhà đầu tư.
- b) Bên B có nghĩa vụ thông báo đến các Nhà đầu tư của mình về việc chuyển giao tài khoản giao dịch sang cho Bên A theo thực tế triển khai.
- c) Công ty Hợp nhất kế thừa về nguyên tắc tất cả các quyền và nghĩa vụ của Bên A và Bên B đối với Nhà đầu tư.

8.3. Đối với Cổ đông

Việc mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông mỗi Bên trên cơ sở tuân thủ quy định tại Điều 90 và Điều 92 Luật doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác, Điều lệ, quy định nội bộ của mỗi Bên.

Mỗi Bên chỉ thực hiện việc mua lại cổ phần nếu thỏa thuận được với cổ đông về giá mua và mỗi Bên chỉ được thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo thỏa thuận tại Hợp đồng này nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, mỗi Bên vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác. Các Bên tạo điều kiện để các cổ đông được thỏa thuận chuyển nhượng cổ phần cho nhau. Cổ đông khi nhận chuyển nhượng phải bảo đảm đúng các giới hạn sở hữu tại Công ty Chứng khoán theo quy định của pháp luật, trường hợp tạm thời chưa đáp ứng được các giới hạn này thì cổ đông có nghĩa vụ xử lý trong thời hạn 06 (sáu) tháng từ Ngày hiệu lực.

Trong mọi trường hợp, Công ty Hợp nhất không có trách nhiệm mua lại cổ phần của cổ đông mỗi Bên nếu cổ đông mỗi Bên phản đối việc hợp nhất.

Điều 9. Công bố thông tin

- 9.1. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Hợp đồng này được ký kết, các Bên sẽ gửi các thông tin và nội dung của Hợp Đồng này đến các chủ nợ, Nhà đầu tư và thông báo cho người lao động biết về việc hợp nhất. Việc thông báo có thể được gửi trực tiếp hoặc gửi chuyển phát đến địa chỉ của các chủ nợ, Nhà đầu tư. Việc thông báo cho người lao động phải được thực hiện công khai tại trụ sở của từng Bên.
- 9.2. Sau khi Đại hội đồng cổ đông mỗi bên thông qua việc hợp nhất và tài liệu hợp nhất, mỗi Bên có nghĩa vụ tự mình công bố thông tin theo quy định của pháp luật hiện hành về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
- 9.3. Sau Ngày hiệu lực, các công ty tham gia hợp nhất làm các thủ tục đóng mã số thuế tại cơ quan đã cấp mã số thuế, trả con dấu cho cơ quan cấp dấu theo quy định, yêu cầu cụ

thể của cơ quan có thẩm quyền.

- 9.4. Công ty Hợp nhất phải tiến hành thủ tục công bố thông tin liên quan đến việc hình thành pháp nhân mới đến các cơ quan Nhà nước có liên quan theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 10. Quyền và nghĩa vụ của các Bên

- 10.1. Tiến hành thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính, kê khai tài sản, quyền, nghĩa vụ, lợi ích hợp pháp một cách trung thực, chính xác.
- 10.2. Không mở rộng ngành nghề kinh doanh, thực hiện việc xác lập, thực hiện, chấm dứt bất kỳ giao dịch dân sự nào với Bên thứ ba, hoặc đầu tư vào một dự án nào mà không được sự đồng ý bằng văn bản của Bên B kể từ ngày Hợp đồng này có hiệu lực.
- 10.3. Không sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ, thay thế các chính sách, quy chế, quy định, quy trình quản lý, điều hành đang được áp dụng tại Bên A kể từ ngày Hợp đồng này có hiệu lực (bao gồm cả các quy định về tài chính, kế toán, kiểm toán...).
- 10.4. Không tiến hành chi trả bất cứ khoản chi phí nào đối với bất kỳ chủ thể nào (Bên thứ ba có quyền đối với Bên A, đối tác...) khi chưa có sự đồng ý bằng văn bản của Bên B; Trừ các trường hợp chi trả lương, chế độ cho người lao động theo thang bảng lương đang áp dụng tại Bên A vào thời điểm ký kết Hợp đồng này và theo quy định tại nội dung về Phương án sử dụng lao động sau hợp nhất tại Hợp đồng này.
- 10.5. Phối hợp, kiểm soát việc thực hiện theo Hợp đồng này.
- 10.6. Không ban hành bất kỳ văn bản nào gây cản trở việc hợp nhất.
- 10.7. Cung cấp thông tin liên quan đến việc hợp nhất theo yêu cầu của Bên kia.
- 10.8. Chịu trách nhiệm toàn bộ đối với tất cả những thông tin, tài liệu, giấy tờ,... cung cấp để phục vụ cho việc hợp nhất.
- 10.9. Giải quyết các khiếu nại, tranh chấp có liên quan đến việc hợp nhất và mọi hoạt động của mỗi Bên tính đến Ngày hiệu lực.
- 10.10. Cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về số liệu các khoản nợ, tiền phải trả, nghĩa vụ tài chính và chi phí phát sinh của mỗi Bên tính đến Ngày hiệu lực, bất kể khoản nợ đó đã được phản ánh hoặc phản ánh chưa đủ trên Báo cáo tài chính kiểm toán tại ngày 30-11-2013 và Báo cáo thống kê các phát sinh từ 30-11-2013 đến Ngày hiệu lực. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Người đại diện theo pháp luật của mỗi Bên liên đới chịu trách nhiệm trong trường hợp kê khai không đúng, không đầy đủ tình trạng tài sản, công nợ của mỗi Bên.
- 10.11. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Hợp đồng này, Phương án hợp nhất, các văn bản thoả thuận khác ký giữa hai Bên về việc hợp nhất và theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Điều lệ và định chế nội bộ

- 11.1. Dự Thảo Điều lệ của Công ty Hợp nhất được Đại Hội Đồng cổ Đông các Bên biểu quyết thông qua theo quy định của pháp luật. Dự Thảo Điều Lệ sẽ trở thành Điều lệ chính thức của Công Ty Hợp Nhất kể từ Ngày hiệu lực.
- 11.2. Các định chế nội bộ của Bên B bao gồm và không giới hạn điều lệ, quy chế, quy định, quy trình, nội quy, sẽ hết hiệu lực kể từ Ngày hiệu lực.

- 11.3. Các quy định nội bộ của Bên A bao gồm và không giới hạn quy chế, nội quy, quy định, quy trình về các sản phẩm dịch vụ sẽ vẫn có hiệu lực và được áp dụng trong hoạt động của Công ty Hợp nhất.

PHẦN III

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP VÀ HIỆU LỰC THI HÀNH

Điều 12. Giải quyết tranh chấp

- 13.1. Các Bên cam kết hỗ trợ nhau trong việc thực hiện các nội dung của Hợp đồng này, nếu có gì vướng mắc các Bên phải cùng nhau bàn bạc tìm cách giải quyết tốt nhất trên tinh thần hợp tác đôi Bên cùng có lợi.
- 13.2. Mọi vấn đề vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng này sẽ được các Bên ưu tiên giải quyết thông qua thương lượng.
- 13.3. Trong trường hợp thương lượng không thành, tranh chấp sẽ được giải quyết tại Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC) Bên cạnh Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam theo quy tắc tổ tụng trọng tài của VIAC.

Điều 13. Các trường hợp Hợp đồng hết hiệu lực

- 13.1. Các Bên không nhận được chấp thuận hợp nhất của UBCK trong vòng 90 ngày làm việc kể từ ngày nộp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ lên UBCK mà không có các lý do khách quan.
- 13.2. Giá trị tài sản thuần của một Bên biến động mà Bên còn lại không thống nhất việc điều chỉnh Tỷ lệ chuyển đổi theo quy định tại Hợp đồng này thì Bên còn lại được đơn phương chấm dứt Hợp đồng hợp nhất trên cơ sở thông báo bằng văn bản mà không phải bồi thường bất kỳ thiệt hại phát sinh nào hay chi phí nào.
- 13.3. Một Bên đơn phương chấm dứt Hợp đồng do Bên kia vi phạm các cam kết nêu trong Hợp đồng này. Trường hợp này, Bên vi phạm sẽ có trách nhiệm bồi thường cho Bên bị vi phạm những tổn thất, phí tổn phát sinh theo luật định;
- 13.4. Một hoặc các Bên bị giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật trước Ngày hiệu lực;
- 13.5. Theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Điều khoản chung

- 14.1. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký.
- 14.2. Mọi sửa đổi, bổ sung đối với Hợp đồng này phải được lập thành văn bản.
- 14.3. Hợp đồng này được lập thành 4 (bốn) bản, có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ 2 (hai) bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN BÊN B

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)